

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 2 (Phần 1)

Phẩm 2: NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

1. Đại Tuệ hỏi về Như Lai Tàng của Phật:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn: Trong kinh Phật nói kho Như lai tự tánh thanh tịnh, chuyển ba mươi hai tướng vào trong thân tất cả chúng sinh, như hạt châu quý ở trong túi áo nhơ. Như lai tàng thường trụ không thay đổi cũng giống như vậy, cột trong chiếc áo nhơ ấm giới nhập và tham dục, sân si, vọng tưởng chẳng thật, các thứ bụi trần làm nhơ bẩn. Đây là lời giảng nói của tất cả các Đức Phật, tại sao Thế tôn đồng với ngoại đạo nói rằng ta nói có Như lai tàng ư! Bạch Đức Thế tôn! Ngoại đạo cũng nói có tác giả thường tồn, lìa ngoài hạt bụi nhỏ cùng khắp chẳng diệt. Bạch Đức Thế tôn! Họ nói có ngã”. Trong ngoài ngôn giáo hoặc có tương tự, nếu không phân rõ thì tà sẽ lẫn lộn với chánh, cho nên Đại Tuệ hỏi: “Phật nói có Như lai tàng đồng với ngoại đạo chấp đấm có thần ngã”. Trước hết nói Như lai tàng tánh thanh tịnh, thể lìa nhiễm ô gọi là thanh tịnh. Như lai tạng này chúng sinh và Phật vốn đồng hay các Đức Phật ngộ điều này khởi dụng ứng thân ba mươi hai tướng. Chúng sinh quên điều Phật ngộ nên chuyển tịnh thành nhiễm, cho nên nói chuyển nhập vào trong chân chúng sinh như hạt châu quý ở trong túi áo nhơ v.v... là ví dụ để hiển bày rất dễ hiểu. Vì sao Đức Thế tôn v.v... Chính là lời kiết vấn. Nói cũng nói có tác giả thường tồn... tức là ngoại đạo chấp thần ngã là thường, đó là năng tác. Lìa các duyên như ấm sở y... thì trùm khắp không diệt nên nói lìa hạt bụi nhỏ cùng khắp chẳng diệt. Kia nói có ngã là ý cho lời nói này đồng với Như lai tàng.

2. Phật giải thích:

“Phật bảo Đây Đại Tuệ! Ta nói Như lai tàng chẳng đồng với ngã của ngoại đạo nói. Đây Đại Tuệ! Có khi nói không, vô tướng, vô nguyện, như thật tế, pháp tánh, pháp thân, Niết-bàn, lìa tự tánh bất sinh không diệt xưa nay vắng lặng tự tánh Niết-bàn. Những câu như vậy đều nói Như lai tàng. Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, vì dứt cái sợ vô ngã của kẻ ngu, cho nên nói lìa vọng tưởng vô.

*Nhân ấm nối nhau
Duyên và bụi nhỏ
Thắng tự tại tạo
Tâm lượng vọng tưởng”.*

Nhân ấm nối nhau: Nhân là ngã, ấm là năm ấm. Ngã ấm này nối nhau không dứt, ngoại đạo chấp pháp này từ tà nhân duyên và bụi nhỏ cùng Thắng tự tại làm tác, tác tức là sinh. Nhưng kia không biết đây chỉ do tâm lượng vọng tưởng mà thôi!

3. Xin Phật dạy pháp tu hành không xen hở:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ quán chúng sinh đời vị lai, lại thỉnh Thế tôn: Cúi xin nói cho chúng con nghe pháp tu hành không xen hở như các Đại Bồ-tát tu hành đại phương tiện”. Đại Tuệ đã nghe nhập tam giải thoát môn mau chứng đắc Bồ-đề. Bồ-đề là đạo quả, quả chẳng có nhân hạnh thì không thành, hành chẳng có phương tiện thì chẳng tiến, cho nên vì căn cơ chúng sinh đời vị lai nên thưa hỏi cho rõ. Không xen hở, là không xen lẫn gián đoạn.

4. Phật dạy thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện:

“Phật bảo Đây Đại Tuệ! Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện. Bốn pháp ấy là khéo phân biệt tự tâm hiện, quán ngoại tánh phi tánh, lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt, và được tự giác Thánh trí thiện lạc. Đó là Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp tu hành đại phương tiện”. Trong đây, đáp thành tựu bốn pháp là đại phương tiện, phương tiện có nhiều môn, bốn pháp là đại phương tiện, cho nên khác với các phương tiện kia. Nhưng bốn thứ này không ngoài tu tánh nhân quả, nghĩa là toàn tánh khởi tu từ nhân đến quả. Ý nghĩa của bốn pháp này thấy ở văn sau.

5. Đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện:

“Thế nào là Đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện? Nghĩa là quán ba cõi chỉ do giới hạn của tâm, lìa ngã, ngã sở không dao động, lìa đến đi, do thói quen huân tập luồng đối từ vô thủy, các thứ sắc hành trong ba cõi trói buộc thân tài, lập ra vọng tưởng tùy nhập hiện. Đó gọi là Đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện”. Trong phần giải thích phân

biệt tự tâm hiện. Nói quán ba cõi chỉ do giới hạn của tâm, ba cõi do vọng tưởng sanh khởi, vọng tưởng không ngoài tự tâm, giới hạn là giới hạn. Biết rõ ngoài tâm không có pháp thì hai thứ chấp người và pháp đều lìa, đâu còn có động tác đến đi, chỉ do huân tập vọng tưởng từ vô thủy nên có các thứ năm ấm trong ba cõi trói buộc. Nói sắc hành là lược nêu hai ấm trong năm ấm. Do có thân năm ấm nên có tư thân tài vật lập ra. Các pháp như thế đều do tự tâm vọng tưởng hiển hiện, nếu biết xưa nay vắng lặng thì đâu có sinh diệt, đó là khéo phân biệt.

6. Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh:

“Thế nào là Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh? Nghĩa là tất cả tánh như lửa, mộng v.v... tất cả cảnh giới Như lai tàng môn. Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát đời vị lai, hiện tại không nên chấp đắm ngã kiến”. Trong đây đáp trước y theo pháp có phân chia khác nhau. Nói rằng: ta nói Như lai tàng ban đầu không có ngã tướng, chỉ là bày chân phá vọng nên nói ngã và vô ngã, khác với cái ngã do vọng chấp của ngoại đạo. Nói không, vô tướng, vô nguyện là ba không. Không là tánh không, vô tướng là tướng không, vô nguyện là tánh tướng đều không, chẳng có nguyện. Như mé thật, là mé thật chân như. Pháp tánh: Pháp là phép tắc, tánh là không thay đổi. Pháp thân: là phép tắc khuôn mẫu lại lấy pháp tánh làm thân. Niết-bàn là diệt độ. Hoặc nói lìa tự tánh, hoặc nói bất sinh bất diệt, hoặc nói xưa nay vắng lặng, hoặc nói tự tánh Niết-bàn. Các danh từ như vậy đều là tên khác của Như lai tàng. Như lai dùng nhiều danh từ để giảng nói nghĩa Như lai tàng. Vì muốn cho chúng sinh lìa ngã, nhưng do căn cơ ưa thích khác nhau có người sợ nghe danh từ vô ngã, nói cảnh giới vô sở hữu lìa vọng tưởng. Lìa vọng tưởng tức vô ngã, đó gọi là Như lai tàng môn. Môn là năng thông, muốn chúng sinh nhập vào môn này, cho nên khuyên rằng không nên chấp chặt.

7. Dẫn thí dụ tổng kết hiển bày:

“Ví như người thợ gốm, với một đồng đất, dùng phương tiện nhân công, nước, cây, bánh xe quay, mà tạo thành các món đồ. Như lai cũng giống như thế, nói pháp vô ngã lìa tất cả tướng vọng tưởng, dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói Như lai tàng hoặc nói vô ngã. Do nhân duyên ấy nên nói Như lai tàng chẳng đồng với cái ngã của ngoại đạo nói, đó gọi là thuyết Như lai tàng. Vì khai mở dắt dẫn các ngoại đạo chấp ngã nên nói Như lai tàng, giúp họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật mà vào cảnh giới ba môn giải thoát, hy vọng mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác khởi nói Như lai tàng như thế. Nếu không như vậy thì

đồng với ngoại đạo. Cho nên Này Đại Tuệ! Vì lìa kiến chấp của ngoại đạo nên phải nương Như lai tàng vô ngã”. Thí như ở dưới trích dẫn thí dụ tổng kết hiển bày. Một đồng đất vốn không có món đồ chắc chắn nhưng người thợ gốm dùng phương tiện nhân công có thể làm thành các món đồ. Dụ pháp vô ngã cũng giống như vậy. Vốn không chắc chắn có tên, do dùng trí tuệ phương tiện nói các thứ tên, như trước nói không, vô tướng, đến Niết-bàn... cho nên tổng kết nói: Hoặc nói Như lai tàng, hoặc nói vô ngã, tên tuy khác nhau nhưng nghĩa thì không khác. Vì khai mở dẫn dắt ngoại đạo chấp ngã nên nói Như lai tàng, muốn cho họ lìa chấp chặt, nhập ba môn giải thoát thành Đẳng chánh giác, đâu có đồng với kiến chấp thân ngã của ngoại đạo. Ba giải thoát là tánh tịnh giải thoát, viên tịnh giải thoát, phương tiện tịnh giải thoát.

8. Đức Thế tôn nói kệ để lập lại nghĩa trên:

“Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Vọng tưởng luống dối vô thí tập, nhờ quán tất cả tánh, tự tánh. Đại Bồ-tát khéo khởi quán ngoại tánh phi tánh như vậy, gọi là Đại Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh”. Trước quán trong tâm, ở đây tu quán bên ngoài, hai thứ tu quán này nên tùy nghi, chẳng phải dùng cả hai. Nói ngoại tánh phi tánh là biết rõ pháp tánh bên ngoài, chẳng phải do bốn tánh như tự tha... mà sinh, nghĩa là các tánh dương diệm, huyễn, mộng. Tất cả pháp này đều do vọng tưởng thói quen từ vô thí làm nhân, cho nên đều chẳng thật như dương diệm, mộng v.v... Đó gọi là khéo quán ngoại tánh phi tánh.

9. Bồ-tát lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt:

“Thế nào là Đại Bồ-tát lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt? Nghĩa là tất cả tánh như huyễn, như mộng, tánh tự tha và chung bất sinh, tùy nhập giới hạn của tự tâm, cho nên thấy ngoại tánh phi tánh. Thấy thức bất sinh và duyên không chứa nhóm, thấy vọng tưởng duyên sinh ở trong ba cõi, tất cả pháp trong ngoài đều không thật có. Thấy lìa tự tánh thì chấp sinh sẽ diệt, biết tự tánh các pháp như huyễn v.v... đặc pháp nhãn vô sinh. Đặc pháp nhãn vô sinh rồi thì lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt, đó gọi là Đại Bồ-tát khéo phân biệt, lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt”. Lìa kiến chấp sinh, trụ, diệt, nghĩa là như mộng, huyễn... là nhắc lại pháp quán ở trước. Thấy thức bất sinh trở xuống chính là nói về lìa kiến chấp. Nói do trước quán vì trong thấy tâm thức bất sinh, bên ngoài duyên trần không chứa nhóm, mỗi mỗi tìm kiếm tánh đều không thật có, cho nên nói bất sinh. Bất sinh mà sinh, do vọng tưởng duyên sinh trong ba cõi, các pháp trong ngoài đều đồng một lý, đều không thật có thì lìa tự tánh. Vì lìa

tánh nên duyên sinh và kiến chấp đều vắng lặng. Như vậy chứng biết các pháp như huyễn, tức là pháp nhãn vô sinh. Bất sinh thì không diệt, các kiến chấp sinh, trụ, diệt đều lìa.

10. Bồ-tát được Tự giác Thánh trí thiện lạc:

“Thế nào là Đại Bồ-tát được Tự giác Thánh trí thiện lạc? Nghĩa là được pháp nhãn vô sinh, trụ Địa thứ tám của Bồ-tát, được là tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã, được thân ý sinh”: Tự giác Thánh trí này là được pháp nhãn vô sinh, ban đầu phá vô minh hiển bày pháp tánh. Nói thiện lạc: Nghĩa là đã được vô sinh rồi, lấy đó làm vui. Lại rói rằng: trụ địa Bồ-tát thứ tám, đây là địa thứ tám của Thông giáo. Bồ-tát đạt đến địa vị này thì mới chứng pháp nhãn vô sinh, các giáo khác giải thích không thể được, là tâm ý thức... đã chứng vô sinh thì có pháp nào để lìa, là chẳng phải lìa mà lìa. Được thân ý sinh, là gốc khởi dụng cũng bỏ ý, được dụng của ý.

11. Nói về ý sanh thân:

Bạch Đức Thế tôn! Thân ý sinh là nhân duyên gì? Phật bảo Đây Đại Tuệ! Thân ý sinh, Thí như ý đi nhanh chóng, không gì làm ngăn ngại, nên gọi là ý sinh. Thí như ý đi qua vách đá không ngăn ngại nơi phương khác cách vô lượng do-diên, nhân ngày trước đã thấy nhớ nghĩ chẳng quên, tự tâm trôi chảy chẳng dứt, nơi thân sinh vô chướng ngại. Đây Đại Tuệ! Thân ý sinh như thế có đủ trong cùng một lúc. Thân ý sinh của Đại Bồ-tát do năng lực Tam-muội như huyễn tự tại thần thông diệu tướng trang nghiêm, thân chủng loại sinh trong cùng một lúc. Cũng như thân ý sinh không có chướng ngại, tùy chỗ nhớ nghĩ cảnh giới nguyện xưa, vì thành tựu chúng sinh mà được tự giác Thánh trí thiện lạc”. Thân ý sinh: ý có ba nghĩa, lấy đó làm ví dụ: 1. Nhanh chóng. 2. Vô ngại. 3. Đến khắp. Vì nói Bồ-tát được Tam-muội như huyễn hiện thân nhiếp hóa chúng sinh cũng có ba nghĩa này. Phạm phu ý đến mà thân không đến được, thân ý đều đến chỉ có bậc Thánh và người có thần thông mới được như vậy. Nói Tam-muội như huyễn tự tại thần thông, là ý năng sinh. Diệu tướng trang nghiêm thân chủng loại Thánh là thân sở sinh. Cùng sinh trong một lúc giống như ý sinh, là pháp dụ dẫn hợp. Thành tựu chúng sinh là giúp cho họ cũng được thiện lạc.

12. Bồ-tát được pháp nhãn Vô sinh:

“Đại Bồ-tát được pháp nhãn vô sinh như vậy, trụ địa Bồ-tát thứ tám của, chuyển xả thân, tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã và được thân ý sinh, được tự giác Thánh trí thiện lạc”. Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, được tu hành đại phương tiện, phải học

như thế. Bồ-tát nương bốn pháp này tu hành, thì được từ nhân đến quả, khởi dụng hóa tha, cho nên khuyên rằng thường học như thế.

13. Về tướng nhân duyên của tất cả các pháp:

“Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Tuệ! Lại thỉnh Thế tôn: Cúi xin nói cho chúng con nghe tướng nhân duyên của tất cả các pháp. Nhờ hiểu được tướng nhân duyên, con và các Bồ-tát lia tất cả tánh vọng chấp hữu, vô không có chấp vọng tướng dần dần đồng sinh ra”. Trên nói tu hành chứng vô sinh hẳn, nhưng lý vô sinh không hề lia pháp do nhân duyên sinh. Nếu hiểu rõ ý chỉ này thì sẽ lia các vọng chấp, cho nên Đại Tuệ vì chúng mà thỉnh. Nói dần dần đồng sinh ra, nghĩa là các pháp tiệm sinh, đốn sinh này đều là tà kiến. Nghĩa thấy ở văn dưới.

14. Phật dạy tất cả các pháp có hai thứ duyên:

Phật bảo Nay Đại Tuệ! Tất cả các pháp có hai thứ duyên tướng là bên trong và bên ngoài. Nhân bên ngoài duyên là hòn đất, cây cọc, bánh xe, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện làm thành cái bình. Như cái bình đất, tơ lụa, lát chiếu giống mần, tô lạp... phương tiện duyên sinh cũng giống như vậy. Đó gọi là duyên bên ngoài trước sau chuyển sinh. Nhân duyên trong ngoài đều có nghĩa thân sơ, nghĩa là thân sinh làm nhân, sơ trợ giúp làm duyên.

Duyên bên ngoài, hợp có chữ nhân, hòn đất làm nhân, cây cọc bánh xe... làm duyên hòa hợp làm thành cái bình, bình tức là pháp sở sinh. Bình đất nhân duyên đã như vậy. Chẳng hạn như bốn thứ tơ lụa v.v... cũng giống như vậy. Nói trước sau chuyển sinh, nghĩa là nhân trước duyên sau xoay vần mà sinh.

15. Thế nào là duyên bên trong:

“Thế nào là duyên bên trong? Nghĩa là pháp vô minh ái nghiệp v.v... được gọi là duyên. Từ đó sinh pháp ấm, giới, nhập, từ duyên sinh khởi, không có khác nhau, mà người ngu vọng tưởng, đó gọi là pháp duyên bên trong”. Trước nói ngoại là y báo, ở đây nói nội là chánh báo. Nói vô minh nghiệp... sinh pháp ấm, giới, nhập: đây là mười hai nhân duyên. Do quá khứ vô minh hành, mà sinh ấm, nhập, giới, hiện tại cũng do nghiệp ái đời hiện tại sinh ấm, giới, nhập đời vị lai. Cho nên được gọi là pháp duyên bên trong khởi. Kia không khác nhau, nghĩa là vốn không có tiệm sinh, đốn sinh khác nhau, chỉ do phạm phụ vọng tướng phân biệt.

16. Nhân có sáu thứ:

Này “Đại Tuệ! Nhân ấy có sáu thứ, đó là Đương hữu nhân, Nối tiếp nhân, Tướng nhân, Tác nhân, Hiện thị nhân và Đãi nhân. Đương

hữu nhân là tạo nhân rồi pháp trong ngoài sinh. Nối tiếp nhân, là tạo phan duyên rồi pháp trong ngoài sinh ra hạt giống của ẩm. Tướng nhân là tạo tướng không xen hở nối nhau sinh. Tác nhân là làm việc tăng thượng như vua chuyển luân. Hiện thị nhân là việc vọng tưởng sinh rồi tướng hiện năng tác sở tác như đèn chiếu sáng các hình sắc v.v... Đãi nhân, là khi diệt thì làm nối nhau dứt bỏ vọng tưởng sinh”. Đương hữu nhân, là nhân sở tác là pháp do căn trần sinh ra, là nhân hiện tại, có công năng chiêu cảm quả đương lai. Nối tiếp nhân, nghĩa là căn trần phan duyên thành nghiệp thiện ác, tiếp tục hạt giống ẩm về sau, quả lại làm nhân. Tướng nhân, nghĩa là tạo nghiệp tướng thiện ác không xen hở, nhân quả nối nhau không dứt. Tác nhân, nghĩa là đối với nhân lại làm nhân, như vua chuyển luân đã được quả báo tốt lại gieo trồng nhân tốt gọi là tăng thượng. Hiện thị nhân, nghĩa là phạm phu vọng tưởng việc sinh phải có nhân, cảnh tướng năng tác, sở tác như ngọn đèn soi chiếu vật, rõ ràng thấy được. Đãi nhân, nghĩa là khi vọng tưởng diệt thì trở lại tạo tác, khi tạo tác thì trở lại diệt. Nếu niệm nối nhau dứt thì không còn tánh vọng tưởng sinh, do vọng đối đãi với không vọng, đó gọi là đãi nhân.

17. Pháp do sáu nhân sinh ra:

Này “Đại Tuệ! Người ngu kia tự tướng vọng tưởng, chẳng thứ lớp sinh, chẳng đồng thời sinh. Vì sao? Vì nếu là đồng thời sinh thì năng tác, sở tác không phân biệt, không được nhân tướng. Nếu thứ lớp sinh, thì chẳng được ngã tướng. Cho nên thứ lớp sinh mà chẳng sinh, như bất sinh con thì không được gọi là cha mẹ” Đây là pháp lục nhân sinh, chẳng phải hai thứ tướng sinh, chỉ vì phạm phu vọng tưởng phân biệt, cho nên nói không thứ lớp sinh, không đồng thời sinh. Vì sao? Vì tổng kết bất sinh. Nếu tất cả pháp đốn sinh thì nhân năng tác, pháp sở tác không có phân biệt, tìm nhân tướng kia không thật có. Nếu tất cả pháp tiệm sinh mà tìm thể tướng kia cũng không thật có. Cho nên dụ rằng nếu bất sinh con thì đâu được gọi là cha.

18. Nên lia kiến chấp thứ lớp và đồng sinh:

Này “Đại Tuệ! phương tiện nối nhau thứ lớp sinh, không đúng, chỉ do vọng tưởng mà thôi. Vì phan duyên với duyên thứ đệ, duyên tăng thượng v.v... làm năng sinh và sở sinh. Này Đại Tuệ! Thứ lớp sinh bất sinh, tự tánh vọng tưởng chấp đấm tướng. Thứ lớp và đồng sinh đều bất sinh, vì tự tâm hiện thọ dụng nên tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh chẳng có tánh. Này Đại Tuệ! Thứ lớp và đồng sinh đều bất sinh, trừ tự tâm hiện, bất giác vọng tưởng nên có tướng sinh. Cho nên, nhân duyên làm

việc tướng phương tiện phải lia kiến chấp thứ lớp và đồng thời sinh”. Thứ lớp nối nhau phương tiện cầu tướng sinh kia đã không thật có, cho nên nói không đúng, chỉ vọng gọi là sinh! Nói nhân phan duyên v.v... nghĩa là bốn duyên. Tâm duyên trần cảnh gọi là phan duyên, cũng gọi là nhân duyên. Pháp tâm số thứ lớp sinh gọi là thứ đệ duyên. Khi các pháp sinh, tùy tâm hiện bất sinh chướng ngại, gọi là tăng thượng duyên. Tâm gá vào duyên mà sinh, như tâm thức sinh nhân thức, gọi là duyên duyên. Nói v.v... là đẳng ư duyên duyên. Nói sinh sở sinh nghĩa là vọng tướng từ bốn duyên này mà sinh, trong đó cầu cũng không thật có, cho nên nói thứ lớp sinh bất sinh. Vì bốn duyên này cũng là vọng chấp, cho nên tiếm và đốn đều bất sinh, chỉ tự tâm hiện thọ dụng. Nhưng đối với ngoại tánh tự tướng cộng tướng, suy cầu cũng vô tự tánh, chỉ trừ kẻ ngu tự sinh vọng tưởng. Cho nên khuyên rằng: nên lia kiến chấp thứ lớp và đồng sinh.

19. Các pháp thứ lớp và đốn siêu đều bất sinh:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Tất cả đều vô sinh,
Cũng chẳng nhân duyên diệt
Đối với sinh diệt kia,
Mà nghĩ là nhân duyên
Chẳng ngăn diệt lại sinh
Nối nhau nhân duyên khởi
Chỉ vì dứt phàm ngu,
Duyên vọng tướng si hoặc
Pháp duyên khởi hữu vô,
Thấy đều không có sinh,
Bởi thói quen mê chuyển,
Từ đây ba cõi hiện”.*

Tất cả đều vô sinh, là nói tất cả các pháp thứ lớp và đốn siêu đều bất sinh. Đã nói bất sinh thì đâu có diệt ư! Chỉ do gốc mê mà nghĩ là sinh diệt. Chẳng ngăn diệt lại sinh, sở dĩ Đức Phật dạy bất sinh không diệt, chẳng phải nói thật duyên khởi vô sinh diệt, mà vì dứt vọng tưởng cho phàm phu nên nói như vậy. Nếu nghiên cứu bản tánh kia sinh chỗ nào, diệt chỗ nào, chỉ do thói quen mê hoặc từ vô thủy xoay vần nên có ba cõi sinh diệt. Ba hữu tức ba cõi.

20. Chúng sanh kiến chấp sanh diệt đối với chân như thật lý:

*“Duyên vô sinh Chân thật,
Cũng lại không có diệt,*

*Quán tất cả hữu vi,
Như hoa đốm trong không,
Năng nhiếp và sở nhiếp,
Lìa bỏ kiến hoặc loạn,
Chẳng đã sinh sẽ sinh,
Cũng lại vô nhân duyên,
Tất cả vô sở hữu,
Đây đều là lời nói”*

Ví như hoa đốm trong hư không là nói chúng sinh đối với chân như thật lý, mà sanh kiến chấp sinh diệt, như dụi mắt thấy hoa đốm. Năng nhiếp và sở nhiếp chính là năng thủ sở thủ, đối với cảnh giới căn trần này, không thấy có tướng hữu vô hoặc loạn... thì đã sinh, sẽ sinh, tất cả hữu vô là lời nói giả danh.

21. Nói tất cả vô sở hữu:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin vì nói Lời nói Vọng Tưởng Tướng Tâm kinh. Bạch Đức Thế tôn! Con và các Đại Bồ-tát nếu khéo biết Lời nói Vọng Tưởng Tướng Tâm kinh thì có thể thông đạt hai thứ nghĩa lời nói và sở thuyết, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dùng hai thứ lời nói và sở thuyết làm thanh tịnh tất cả chúng sinh. “Trên đây là nói tất cả vô sở hữu, ở đây đều là lời nói, nhưng phạm ngu đối với lời nói thường sanh các vọng tưởng, không thể hiểu lý. Nay Đại Tuệ! Nêu câu hỏi rằng Tâm kinh tức danh tướng, vọng tưởng mà kinh này nói là hiển bày tâm Đệ nhất nghĩa”. Hai thứ nghĩa, Kinh Nhập Lăng-già chép: Thông đạt nghĩa năng thuyết sở thuyết, mau chứng Vô thượng Bồ-đề, giúp cho tất cả chúng sinh đối với hai nghĩa cũng được thanh tịnh.

22. Bốn thứ lời nói là dùng lời bỏ lời:

“Phật bảo Đại Tuệ: lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ ta, sẽ nói cho ông nghe, Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Lành thay, xin vâng thọ giáo. Phật bảo Nay Đại Tuệ! Có bốn tướng lời nói vọng tưởng, đó là tướng lời nói, mộng lời nói, quá vọng tưởng chấp đắm lời nói và vô thỉ vọng tưởng lời nói. Tướng lời nói, là từ vọng tưởng sắc tướng chấp đắm của mình mà sinh. Mộng lời nói là cảnh trước đã trải qua tùy theo nhớ nghĩ một cảnh nào mà sinh, từ khi giác rồi cảnh giới vô tánh sinh. Quá vọng tưởng chấp đắm lời nói, là trước do oán tạo ra nghiệp, tùy theo sự nhớ nghĩ mà sinh. Vô thỉ vọng tưởng lời nói, là lỗi luống đối chấp chặt từ vô thỉ do tự chủng tập khí sinh. Đây gọi là bốn thứ tướng lời nói vọng tưởng”. Trong lý chân thật, là một tướng lời nói

còn có thể được, đâu thể có bốn. Như lai nói bốn thứ ấy là dùng lời bỏ lời, tuy nói Đệ nhất nghĩa tâm cũng nên lia chấp, huống chi bốn thứ này đều nói chúng sinh vọng tưởng. Tưởng lời nói, nghĩa là từ vọng tưởng sắc tướng phân biệt tự tướng cộng tướng do tự tâm hiện mà sinh ra. Mộng lời nói, nghĩa là nhớ nghĩ các cảnh giới đã trải qua, hình ảnh trong mộng mà có lời nói, nhưng khi thức dậy thì cảnh giới không thật, cho nên nói vô tánh. Quá vọng tưởng chấp đắm lời nói, nghĩa là ngày xưa có kẻ thù làm hại ta, về sau nhớ lại mà sinh tức giận. Vô trí vọng tưởng lời nói, nghĩa là thói quen nói những lời vô nghĩa do thói quen vọng chấp sinh ra. Nếu lia được bốn thứ vọng tưởng lời nói này thì hiển bày lý mẫu chân thật.

23. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về cảnh giới do lời nói vọng tưởng hiện ra, và Phật trả lời:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng nghĩa này khuyến thỉnh Thế tôn: Cúi xin lại nói cảnh giới do lời nói vọng tưởng hiện ra. Bạch Đức Thế tôn! Chỗ nào? Có gì? Tại sao? Vì nguyên nhân gì chúng sinh vọng tưởng lời nói sinh: Đây hỏi chỗ lời nói sinh khởi.

“Phật bảo Đại Tuệ: Do đầu, ngực, cổ, họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng hòa hợp mà phát ra âm thanh. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Lời nói và vọng tưởng là khác hay chẳng phải khác? Phật bảo Đại Tuệ: Lời nói và vọng tưởng chẳng phải khác nhau, chẳng phải không khác nhau vì sao? Vì nhân ấy sinh ra tướng. Nay Đại Tuệ! Nếu lời nói và vọng tưởng khác nhau, thì vọng tưởng chẳng phải là nhân. Nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển được nghĩa, mà thật có hiển được nghĩa, cho nên chẳng phải khác, chẳng phải không khác” bầy chỗ đầu... hơi thở nương nhau hòa hợp phát ra âm thanh mà thành lời nói. Đã nương các duyên mà sinh thì âm thanh là vọng, cho nên có câu hỏi thứ hai là khác không khác, Phật đáp chẳng phải khác chẳng phải không khác, vì phân biệt làm nhân khởi lời nói đó thôi! Lại bảo: Khác thì lẽ ra không nên gọi vọng tưởng là nhân, không khác thì lời nói lẽ ra không hiển bày được nghĩa, nhưng sao có lời nói hiển bày, cho nên nói chẳng phải khác chẳng phải không khác.

24. Phải lia các tướng nói năng vọng tưởng:

“Đại Tuệ lại bạch Phật: bạch Đức Thế tôn! Lời nói tức là Đệ nhất nghĩa hay sở thuyết tức là Đệ nhất nghĩa? Phật bảo Đại Tuệ: lời nói chẳng phải là Đệ nhất nghĩa, sở thuyết cũng chẳng phải là Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì Đệ nhất nghĩa Thánh lạc, chỗ lời nói nhập vào, ấy là Đệ nhất nghĩa, chẳng phải lời nói là Đệ nhất nghĩa, Đệ nhất nghĩa chỉ

có Thánh trí tự giác mới đạt được. Chẳng phải lời nói vọng tưởng mà giác được cảnh giới. Cho nên lời nói vọng tưởng không hiển bày được Đệ nhất nghĩa. Lời nói là sinh diệt dao động xoay vần do nhân duyên khởi. Nếu xoay vần do nhân duyên sinh khởi thì nó không hiển bày được Đệ nhất nghĩa. Nay Đại Tuệ! Vì tướng tự tha vô tánh, nên tướng lời nói chẳng hiển bày được Đệ nhất nghĩa. Lại nữa Nay Đại Tuệ! Vì tùy nhập tự tâm hiện lượng nên tánh của các tướng bên ngoài là chẳng có tánh. Lời nói vọng tưởng không hiển bày được Đệ nhất nghĩa. Cho nên Nay Đại Tuệ! Phải lia tướng lời nói các tướng vọng tưởng”. Lời nói là giáo năng thuyên. Sở thuyết là lý sở thuyên, hỏi: ý nghĩa của hai thứ này, đâu là Đệ nhất nghĩa? Phật đáp năng thuyên, sở thuyết đều chẳng phải là Đệ nhất nghĩa, tuy sở thuyên là lý mà chẳng phải các diệu của tự đắc, dường như phải mà chẳng phải. Nhưng chỗ Thánh lạc do lời nói mà vào được, chẳng phải lời nói là nghĩa bậc nhất. Nhưng chỗ lạc của Thánh trí là diệu dụng tự đắc, cho nên nói chẳng phải lời nói vọng tưởng giác được cảnh giới. Lời nói không thể hiển bày được Đệ nhất nghĩa, có ba: a) Lời nói vượt ra ngoài sinh tử dao động, xoay vần duyên khởi vô thường. b) Lời nói vấn đáp có tướng tự tha. c) Lời nói vọng tưởng không rõ các tướng duy tâm là vô. Cho nên răn rằng: Phải lia các tướng lời nói vọng tưởng.

25. *Chỉ có bậc Thánh trí là chứng thật tế:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

*“Các tánh vô tự tánh
Lại cũng không lời nói
Nghĩa sâu xa không không
Ngu si không hiểu được
Tất cả tánh tự tánh
Pháp lời nói như bóng
Con Thánh trí tự giác
Thật tế ta đã nói”*

Các tánh vô tự tánh, lia tâm duyên tướng. Cũng lại không nói năng, là lia tướng lời nói. Đã bật dứt lời nói suy tư, đó gọi là Đệ nhất nghĩa không. Kẻ ngu mê muội lý này thì rơi vào tất cả tánh tự tánh của ba cõi... nghĩa là tất cả pháp có tự tánh thì có lời nói, nhưng đều không thật như bóng, chỉ có bậc Thánh trí chứng thật tế là điều ta đã nói.

26. *Tổng kết khuyến thỉnh giúp cho đầy đủ hạnh nguyện lợi tha:*

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin vì nói lia một, khác, cùng, chẳng cùng, hữu, vô, chẳng phải

hữu, chẳng phải vô, thường, vô thường, chỗ chẳng thực hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ thực hành của tự giác Thánh trí, lià vọng tưởng, tự tướng, cộng tướng, nhập vào Đệ nhất nghĩa chân thật. Các địa nối nhau tiến lên được tướng thanh tịnh, nhập vào bất cứ một địa tướng nào của Như lai, không khai phát bản nguyện. Vì như châu ma-ni có các hình sắc, cảnh giới vô biên tướng hành, tự tâm hiện các cõi, tất cả các pháp. Con và các Đại Bồ-tát lià kiến chấp vọng tưởng tự tánh, tự tướng, cộng tướng như vậy... mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giúp tất cả chúng sinh được tất cả an vui đầy đủ sung mãn.

Xét rằng “Lià bốn câu dứt đoạn phi”, là cửa đầu tiên để Bồ-tát vào đạo, cho nên nêu lên để đặt câu hỏi. Trước nêu tướng bốn câu, bốn câu từ một khác đến vô thường có ba: Ban đầu bốn câu một khác hợp lại nói một, khác, vừa khác vừa không khác, không khác chẳng phải không khác, câu là vừa khác vừa chẳng khác, bốn câu là chẳng khác chẳng phải không khác. Bốn câu có không, hợp nói có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không. Bốn câu thường, vô thường, hợp nói thường, vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Văn kinh tóm lược, không nêu đầy đủ. Ba điều nghi bốn câu này mỗi câu đều có tông chấp, tất cả ngoại đạo chính là chấp vào điều này. Nói chẳng hành là không thể lià, chỉ có Thánh trí mới lià được bốn câu, không chấp có tự tướng, cộng tướng, sẽ chứng giai vị Đệ nhất nghĩa chân thật, dần dần trải qua các giai vị, chứng đến Phật địa. Bản nguyện không khai phát, Kinh Nhập Lăng-già chép: Vì năng lực bản nguyện vô công dụng, vì tự tu hành đã mãn lại dùng bốn nguyện đến khắp các cõi Phật hóa độ các chúng sinh. Ví như viên ngọc như ý hiện cảnh giới không nào là không hiện. Vô biên tướng hạnh, tướng là địa tướng, hạnh là hạnh tu hành, tuy vô biên đều do tâm hiện, tướng tất cả pháp khác nhau. Bộ phận tức là khác nhau. Con và các Đại Bồ-tát v.v... là tổng kết khuyến thỉnh giúp cho đầy đủ hạnh nguyện tự tha.

27. *Khởi chấp có hai lý do:*

“Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay! Lành thay! Ông nên hỏi ta nghĩa như vậy, được nhiều an vui, vì được nhiều lợi ích, thương xót tất cả các trời và người đời. Phật bảo Đại Tuệ: Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ giải thích nói rộng cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Lành thay Thế tôn! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Phạm phu ngu si chẳng biết tâm lượng, chấp tánh trong ngoài, nương vào một khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường

vô thường, tự tánh là tập nhân chấp đắm vọng tưởng”. Trong đây đáp, ban đầu y cứ chung vào pháp nói có hai: 1. Không biết tự tâm hiện lượng, đối với ấm thân bên trong chấp có pháp bên ngoài, đối với tướng đồng khởi kiến chấp đồng, đối với tướng khác khởi kiến chấp khác, nương hai thứ này mà khởi kiến chấp vừa, lia hai thứ này mà khởi chấp không vừa, đối với có, không, thường, vô thường giống đều như vậy. 2. Tự tánh tập nhân, do thói quen nhiều đời huân tập mà khởi vọng kiến tà chấp. Đoạn văn dưới có mười hai ví dụ, đều có pháp có dụ có hợp, có đồng có khác, tùy văn chia ra từng mục.

28. *Nếu ví dụ để làm sáng tỏ:*

“Thí như bầy nai quá khát nước, thấy sóng nắng trong mùa xuân mà tưởng là nước, mê loạn chạy đến tìm, mà không biết chẳng phải nước. Cũng thế, người ngu luống dối vọng tưởng huân tập từ vô thủy, ba độc đốt tâm ưa cảnh giới sắc, thấy sinh trụ diệt chấp tánh trong ngoài, rơi vào tướng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, vọng chấp nhiếp thọ”. Nai khát nước thấy sóng nắng không biết chẳng phải nước, người ngu ưa vui mà không biết vui là nhân khổ. Nói vọng tưởng huân tập là nghĩa tự tánh tập nhân. Chấp tánh trong ngoài... chính là khởi chấp.

29. *Thành càn-thát-bà do vọng chấp mà có:*

“Như thành Càn-thát-bà, kẻ phàm ngu vô trí tưởng là có thành, do tập khí chấp đắm tướng từ vô thủy hiện ra. Kia chẳng phải có thành, chẳng phải không thành. Như vậy, ngoại đạo có thói quen luống dối chấp đắm từ vô thủy, y nơi chấp thấy một, khác, đồng, không đồng, có không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, không biết rõ tự tâm hiện lượng”. Càn-thát-bà vốn chẳng phải thành, kẻ ngu vô trí do vọng tưởng huân tập mà tưởng là có thành. Đây là dụ cho ngoại đạo không thấu đạt tự tâm hiện khởi vọng chấp một, khác v.v...

30. *Tâm khởi chấp nhớ nghĩ cảnh không bỏ:*

“Thí như có người nằm mộng thấy nam, nữ, voi, ngựa, xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ các thứ trang nghiêm, tự thân vào trong ấy, khi thức rồi vẫn nhớ này. Nay Đại Tuệ! Ý ông nghĩ sao? Như vậy những kẻ sĩ phu đối với việc mộng trước còn nhớ chẳng bỏ, vậy có thông minh chẳng? Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Không. Phật bảo Đại Tuệ: Phàm phu cũng thế bị ác kiến nhai nuốt, ngoại đạo trí tuệ mà chẳng biết như mộng tự tâm hiện tánh, y nơi kiến chấp một, khác, vừa, chẳng vừa, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường”. Mộng thấy cảnh chẳng phải thật sự, mà còn nhớ

ngĩ không bỏ, chẳng phải ngại thì là gì. Đây là dụ cho ngoại đạo tà chấp, không hiểu rõ do tâm khởi các kiến chấp.

“Thí như tượng vẽ chẳng cao chẳng thấp, mà kẻ ngu kia tưởng có cao thấp. Ngoại đạo đời sau cũng thế ác kiến thói quen đầy đầy, nương vào kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tự hoại và hoại người. Còn có các luận thuyết khác lìa hữu, vô, vô sinh, cũng là lời nói vô, kiến chấp bài bác nhân quả, nhổ gốc lành, phá hoại nhân thanh tịnh. Người thắng cầu phải xa lìa. Nói như vậy là họ rơi vào kiến chấp tự, tha, đồng, là vọng tưởng có không, chìm trong lập ra và chê bai, do ác kiến ấy sẽ rơi vào địa ngục”.

31. Ví dụ tượng vẽ để so sánh với ác tập khởi kiến:

Đây là ví dụ tượng vẽ, để so sánh với ác tập khởi kiến của ngoại đạo hoại mình, hoại người. Còn luận thuyết lìa hữu, vô, vô sinh là chỉ cho chánh giáo, luận chánh giáo lìa kiến chấp vô sinh, mà kia trở lại cho đây là đồng, tự mình thấy cũng là lời nói vô. Thắng cầu, nghĩa là cầu pháp thù thắng, nên lìa kiến chấp này. Vì ngoại đạo kia chấp vào tà kiến sẽ rơi vào đường ác, vậy không sợ hay sao!

32. Ví dụ để nói về chẳng phải tánh, chẳng phải vô tánh:

Thí như mắt nhắm thấy có tóc rũ, liền bảo mọi người rằng “các anh hãy xem đây”, mà tóc rũ thật chẳng phải tánh chẳng phải vô tánh, vì thấy và chẳng thấy. “Cũng thế ngoại đạo vọng kiến hy vọng, nương vào kiến chấp một, khác, đồng, không đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, chê bai chánh pháp, tự đọa và làm người đọa”. Trong đây ví dụ nói chẳng phải tánh, chẳng phải vô tánh, do chấp có tóc rũ cho nên nói chẳng phải vô tánh, do không chấp có tóc rũ nên nói chẳng phải tánh, các văn khác rất dễ thấy.

33. Kiến chấp điên đảo của ngoại đạo:

“Thí như vòng lửa chẳng thật có vòng, người ngu tưởng có vòng, là chẳng phải người có trí. Cũng vậy, ngoại đạo ác kiến hy vọng, nương vào kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, sinh tất cả tánh”. Đây là dụ cho tà tâm chấp cảnh của ngoại đạo, không mà cho là có, khởi các kiến chấp.

“Thí như bọt nước giống như hạt châu ma-ni, đứa trẻ ngu không biết tưởng là ma-ni, chấp mê đi tìm. Nhưng bọt nước kia chẳng phải châu ma-ni, không chẳng phải châu ma-ni, chấp và chẳng chấp. Cũng vậy, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng do thói quen huân tập, đối với vô

sở hữu mà nói có sinh, duyên vào hữu nói diệt”. Trong ví dụ bọt nước, đối với vô sở hữu nói có sinh, nghĩa như ví dụ trước. Do không phải phải nên không có nói có, và đối với nhân duyên chính nói có chỗ, thì lại nói đoạn diệt. Đây là kiến chấp điên đảo của ngoại đạo, các trường hợp khác đều như thế.

34. Tu và mê muội không tu:

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! Có ba thứ lượng năm phần luận, mỗi thứ được lập ra rồi, đặc Thánh trí tự giác, lia việc hai tự tánh, mà sinh vọng tưởng chấp đắm có tánh”. Ba thứ lượng: hiện lượng, tỷ lượng và Thánh ngôn lượng. Lượng: nghĩa là khuôn mẫu chắc chắn, thí như đong lường các vật. Hiện lượng: Hiện là hiển hiện, tự thân chứng đặc pháp thể lia vọng phân biệt, chẳng có sai lầm. Tỷ lượng: Tỷ là so sánh, so sánh đo lường mà biết các thứ kia, như cách núi mà thấy khói thì biết có lửa, cách tường mà thấy sừng thì biết có trâu, tuy chẳng phải đích thân thấy nhưng cũng chẳng phải lường dối. Thánh ngôn lượng: Nghĩa là dùng chánh giáo của Như lai làm chuẩn mực. Năm phần luận gồm: 1. Tông. 2. Nhân. 3. Dụ. 4. Hợp. 5. Kiết. Ba thứ tông, nhân, dụ cũng gọi là ba chi tỷ lượng. Hợp kiết chỉ thành ba nghĩa này thôi! Như ngoại đạo vọng chấp âm thanh là thường, đối với âm thanh tập lượng rằng: Âm thanh có pháp chắc chắn thường làm tông. Nhân nói rằng: Vì tánh là sở tác cho nên đồng dụ như hư không, nhưng hư không chẳng làm ra tánh cho nên trong nhân bất chuyển, dẫn dụ không đều thì lập thành là thường không thành. Nếu trong Phật pháp, thì thanh là vô thường, lập lượng nói: Âm thanh là có pháp chắc chắn, vô thường làm tông. Nhân nói rằng: Vì có tánh sở tác, đồng dụ như bình chậu; như kinh Lăng-nghiêm chép: Âm thanh lẫn lộn lời nói, chỉ nương vào danh cú vị, chẳng lẽ là thường ư! Ngoại đạo chấp các thứ tự cho là lỗi của người. Nếu không phá bỏ lập lượng kia thì chấp do đâu mà phá, cho nên Như lai tóm lược ba thứ lượng, năm phần luận, tùy theo mỗi thứ dựng lập, tu thì được tự giác Thánh trí, lia được duyên khởi vọng tưởng hai thứ tự tánh, nhưng kẻ ngu mê chấp giáo vẫn chấp có tánh, vọng tưởng phân biệt.

35. Bốn chấp gọi là nuôi lớn:

Này “Đại Tuệ! Tâm, ý, ý thức, thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp, sở nhiếp các vọng tưởng dứt. Như lai địa tự giác Thánh trí, người tu hành không đối với kia khởi nghĩ là tánh, phi tánh. Nếu người tu hành đối với cảnh giới thuộc về tánh, phi tánh như thế mà còn sinh chấp tướng thì đó là chấp nuôi lớn chấp ngã nhân”. Kinh Nhập Lăng-già chép: Các người tu hành chuyển tâm, ý, thức, lia năng thủ sở thủ,

trụ vào Như lai địa, tự chứng Thánh pháp, đối với hữu và vô không khởi vọng tưởng. Nay Đại Tuệ! Những người tu hành, nếu đối với cảnh giới sanh ra chấp có, chấp không, thì chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, được gọi là nuôi lớn, là một trong mười sáu tri kiến.

36. Ngoại đạo do vọng tập nêu khởi các kiến chấp:

Này “Đại Tuệ! Nếu nói tánh kia tự tánh, tự tướng, cộng tướng, tất cả đều do hóa Phật nói ra, chẳng phải pháp Phật nói. Lại nữa, các lời nói đều do kẻ ngu hy vọng kiến chấp mà sinh. Chẳng phải vì dựng lập riêng hưởng về pháp tự tánh, người được Thánh trí tự giác Tam-muội lạc thú mới phân biệt hiển bày! Như lai nói pháp có thật, có quyền”. Nếu nói các pháp tánh kia thì là pháp quyền do hóa Phật nói. Nếu nói cảnh tự giác Thánh trí Tam-muội lạc thì là pháp thật do chư Phật nói. Nói đều do kẻ ngu hy vọng kiến chấp mà sinh, thì thật ra căn cơ chưa thuần thực, chỉ nói pháp quyền thôi!

“Thí như trong nước có bóng cây hiện, nó chẳng phải bóng, không phải chẳng phải bóng, chẳng phải hình cây, không phải chẳng phải hình cây. Cũng thế, ngoại đạo do kiến tập huân thành vọng tưởng chấp đắm, nương vào tướng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, mà không thể hiểu biết tự tâm hiện lượng. Thí như gương sáng tùy tâm hiển hiện tất cả sắc tượng mà không vọng tưởng. Kia chẳng phải tượng, không phải chẳng phải tượng, mà thấy tượng, chẳng phải tượng. Như thế, ngoại đạo ác kiến đối với tự tâm tượng hiện mà vọng tưởng chấp đắm, nương vào kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Thí như gió và nước hòa hợp phát ra tiếng. Kia chẳng phải tánh, không phải chẳng phải tánh. Cũng thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng nương vào kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Ví như quả đất chỗ không có cỏ cây, do sức nắng nóng thấy như sôi chảy, sóng dậy, mây nhóm, đó chẳng phải tánh, không phải chẳng phải tánh, vì tham và không tham. Cũng như thế, kẻ ngu bị thói quen luống dối huân tập từ vô thủy vọng tưởng chấp đắm nương vào sinh, trụ, diệt, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, duyên vào sự môn tự trụ, cũng như nắng nóng, sóng mòi kia. Ví như có người dùng chú thuật làm cho máy phát động, chẳng phải trong số chúng sinh, do quỷ Tỳ-xà-xà phương tiện hợp thành dao động lằng xằng, kẻ ngu vọng tưởng chấp đắm có qua lại. Cũng như thế, ngoại đạo ác kiến hy vọng, nương vào kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có,

không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, nói lời vô nghĩa chấp đấm chẳng thật lập ra. Nay Đại Tuệ! Cho nên muốn được việc tự giác Thánh trí thì phải lia các ác kiến vọng tưởng như sinh, trụ, diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường...”

Năm ví dụ trên từ ngữ đồng mà ý nghĩa khác, đều dụ cho ngoại đạo vọng tập từ vô, thì, không biết các pháp duy tâm nên khởi các chấp bầy một, khác, v.v... Nói ý của dụ, chủ yếu giúp cho lia kiến chấp, hiển tánh. Tổng kết khuyên rằng: Cho nên muốn được tự giác Thánh trí phải lia các ác kiến vọng tưởng như sinh, trụ, diệt, một đồng... Chú thuật làm cho máy phát động: ngoại đạo ở phía Tây Ấn Độ chú thuật giúp cho quỷ Tỳ-xá-xà vào trong người gỗ đi động như con người, thật chẳng phải chúng sinh, chẳng phải thuộc số chúng sinh.

37. Phật lặp lại bảy ví dụ để nêu lên rằng vốn không có gì mà hiện có chúng sanh:

“Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

*Huyễn mộng, nước bóng cây,
Tóc rũ, như dương diệm
Quán ba cõi như thế,
Rốt ráo được giải thoát
Ví như nai bị khát,
Chạy tìm tâm mê loạn,
Nai tưởng cho là nước,
Mà thật không có nước
Cũng vậy, hạt giống thức,
Động chuyển thấy cảnh giới,
Người ngu vọng tưởng sinh,
Như mắt bị màng che
Đối sinh tử vô thì,
Chấp đấm tánh nhiếp thọ
Như ngược chốt tháo chốt,
Lìa bỏ tham nhiếp thọ,
Như huyễn chú máy động,
Mây trôi, mộng, điện chớp,
Quán vậy được giải thoát,
Dứt hẳn ba nối nhau
Đối kia không có làm,
Giống dương diệm, hư không*

*Biết các pháp như thế,
 Tức là không biết gì
 Ngôn giáo chỉ giả danh,
 Kia cũng không có tướng
 Đối kia khởi vọng tưởng,
 Ấm hành như tóc rũ
 Như vẽ, tóc rũ, huyễn,
 Mộng, thành Càn-thát-bà
 Vòng lửa, như dương diệm,
 Vô mà hiện chúng sinh
 Thường, vô thường, một, khác,
 Đồng, chẳng đồng cũng vậy
 Lỗi vô thì nối nhau,
 Kẻ ngu si vọng tưởng
 Gương sáng, nước trong mắt,
 Hạt ngọc báu ma ni
 Trong ấy hiện các sắc,
 Mà thật chẳng thật có
 Tất cả tánh hiển hiện,
 Như vẽ, như dương diệm
 Các thứ sắc hiển bày,
 Như mộng, chẳng thật có”*

Bài kệ trên đây nói huyễn, mộng, bóng cây mặt nước... là tụng chung văn trên, nhưng ví dụ có lặp lại, văn xen lẫn nhau. Lặp lại ba điều, như dụ mắt nhắm, tóc rũ và mộng, gần bốn lần nêu ra, dụ dương diệm gồm ba lần nêu ra, dụ vẽ tượng lại hai lần nêu ra. Riêng văn tụng trên có bốn, như thành Càn-thát-bà... thiếu bài tụng chỉ nêu ra hai. Như âm thanh và bóng nước, nêu riêng có sáu, như chốt, như mây nổi, như điện, như nước, như mắt sáng, như ngọc ma-ni, đều không có trong văn xuôi. Vả lại ở đây còn tóm lược phân chia, tùy văn mà giải thích. Ban đầu bốn ví dụ mộng..., đều nêu rõ về huyễn, cho nên lấy việc huyễn làm đầu. Nhưng văn xuôi vốn nói rõ phạm phu ngoại đạo vọng khởi kiến chấp. Nay dùng huyễn quán ba cõi do họ không thông đạt lý huyễn, cho nên khởi kiến chấp lại nói về huyễn. Ba thứ nối nhau, y theo văn sau nêu tức ba độc. Nói không biết gì tức là không biết các pháp như huyễn, đó gọi là biết có giác. Đã biết như huyễn thì không biết gì. Ngôn giáo chỉ là giả danh, nghĩa là bốn câu ngôn giáo hữu, vô, v.v... vốn chỉ là giả danh không có thật tướng, do họ không biết nên khởi vọng tưởng. Các ấm

tướng, hành..... tức là thật pháp. Lại nói rằng: Như vẽ, tóc, rũi, huyễn.... gồm lặp lại bảy ví dụ để nêu rõ vốn không có gì mà hiện có chúng sinh, đều là văn trong bài tụng, các văn khác đều rất dễ hiểu.

38. Nêu chung nghi thức nói giúp:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Như lai nói pháp lìa bốn câu như thế, đó là một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường vô thường, xa lìa hữu vô, lập ra chẻ bai, phân biệt kiết tập chân đế duyên khởi, đạo, diệt, giải thoát. Như lai nói pháp lấy đó làm đầu, chẳng phải tánh, chẳng phải tự tại, chẳng phải vô nhân, chẳng phải hạt bụi nhỏ, chẳng phải thời, chẳng phải tự tánh nối nhau, nói pháp cho nghe. Lại nữa, Này Đại Tuệ! Vì sạch phiền não và chướng sở tri. Thí như người đi buôn thứ lớp dựng lập một trăm lẻ tám câu không thật có, khéo phân biệt các thừa và tướng các địa”: Đoạn này nêu chung nghi thức nói pháp. Vì Như lai nói pháp thường nương nhị đế như nói “lìa cú dứt phi”, thì chân đế không thể nói. Lại nói rằng ly bốn câu rồi không phòng bốn thuyết, thì tục đế có thể nói. Tức bốn thứ không thể nói trong kinh Niết-bàn, có nhân duyên nên cũng có thể được nói. Nói khéo phân biệt kiết tập: như trên nói bốn câu như một, khác... đều là ngoại đạo tà kiến tức là kiết tập, do khổ trôi lăn trong sinh tử, nên khéo phân biệt ngay nơi vọng bày chân, chẳng phải ngoài vọng có chân riêng, cho nên nói chân đế duyên khởi. Nếu mến diệt tu đạo thì được tất cả giải thoát. Giải thoát tức bất tư nghị tục đế. Hai đế này, không hai mà hai, hai mà không hai. Như lai chứng hai đế này tức tự tu hành và hóa độ chúng sinh cho nên nói lấy đó làm đầu. Chẳng phải tánh v.v... chẳng phải thắng tánh mà ngoại đạo chấp. Chẳng phải trời Tự tại... không có nhân duyên nói pháp cho người nghe. Lại bảo rằng: Vì sạch phiền não và sở tri chướng. Phiền não tức hoặc chướng, nhĩ-diệm tức trí chướng, thanh tịnh hai chướng này thì thứ lớp có thể nhập vào một trăm lẻ tám câu trong pháp vô tướng, đến nơi phân biệt các thừa và tướng các địa đều là lành. Như lai khéo dẫn dắt như vậy cũng như người đi buôn dẫn dắt những người đi buôn khác.

39. Có bốn thứ thiên:

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Có bốn thứ thiên, bốn thứ thiên ấy là ngu ngu sở hành thiên, quán sát nghĩa thiên, Phan duyên như thiên và Như lai thiên”. Trên đây là nói lìa hoặc chướng và trí chướng, năng nhập pháp môn mà Như lai chứng đắc, nhưng chẳng phải định Thủ-lăng-nghiêm, thì không thể đến được. Lại nói về bốn thứ thiên định, vì chẳng phải dùng cạn để nêu rõ sâu, nêu gồm có ba cách nói:

a. “Thế nào là kẻ ngu sở hành thiên? Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác ngoại đạo tu hành, quán người vô ngã, tự tướng, cộng tướng, các lóng xương, là tướng vô thường, khổ, bất tịnh, chấp đắm làm đầu. Tướng như vậy chẳng quán khác, trước sau chuyển tiến tướng chẳng dứt trừ. Ấy gọi là kẻ ngu sở hành thiên”. Kẻ ngu thiên, là nói ngoại đạo, Nhị thừa tu dùng pháp kia quán người vô ngã, không thể biết tự tâm hiện lượng, tự tướng, cộng tướng, tánh không đều do kẻ ngu vọng chấp. Lóng xương: là Tiểu thừa quán xương lóng của thân mình và người liền nhau đều do tướng khổ, vô thường, bất tịnh, đối trị vọng chấp quán này làm đầu. Nói tướng như vậy chẳng quán khác: nghĩa là trong định thấy tướng không khác với quán, tướng quán này thành. Tuy thứ lớp tăng tiến đến định vô tướng, nhưng không lìa tướng, đó gọi là kẻ ngu thiên.

b. “Thế nào là Quán sát nghĩa thiên? Nghĩa là người vô ngã, tự tướng, cộng tướng, ngoại đạo, tự, tha đều vô tánh rồi, quán pháp vô ngã, nghĩa tướng địa kia thứ lớp tăng tiến, đó gọi là Quán sát nghĩa thiên”. Quán sát nghĩa thiên là Bồ-tát thiên giáo tu, nghĩa là nhân ngã v.v... lập lại điều trước đã lìa. Ngoại đạo, tự, tha... Kinh Nhập Lăng-già chép: Cũng lìa ngoài đạo, tự, tha, đồng, tánh, đối với nghĩa tướng các địa của pháp vô ngã mỗi pháp đều thuận theo quán sát.

c. “Thế nào là phan duyên như thiên? Nghĩa là vọng tưởng theo hai thứ vô ngã vọng tưởng, chỗ như thật bất sinh vọng tưởng, đó gọi là phan duyên như thiên. Phan duyên như thiên là hạnh tu của Bồ-tát Đốn giáo, Kinh Nhập Lăng-già gọi là Duyên chân như thiên. Duyên tức là quán, chân như tức là lý, nghĩa là quán lý sẽ dứt vọng tưởng. Vọng tưởng chính là chấp người và chấp pháp”. Hai vô ngã, là quán hai chấp đều không. Nếu chỉ phân biệt, tâm còn chấp xả thì đó là vọng tưởng. Nếu hiểu rõ hai thứ chấp đương thể tức không, chẳng có đối đãi thì đó gọi là chỗ như thật bất sinh vọng tưởng.

d. “Thế nào là Như lai thiên? Nghĩa là vào cõi Như lai, được tướng giải thoát Thánh trí, ba thứ lạc trụ, thành tựu việc không thể suy nghĩ bàn luận cho chúng sinh. Đó gọi là Như lai thiên”. Như lai thiên tức là định Thủ-lăng-nghiêm, tu thiên định này được lên địa Diệu giác, rốt ráo tự giác Thánh trí. Ba thứ lạc trụ, Phật dùng định Thủ-lăng-nghiêm làm pháp năng trụ, cõi Thường tịch quang làm pháp sở trụ. Thường tịch quang tức ba đức Niết-bàn. Ba thứ lạc trụ kia là do đây. Sự không thể suy nghĩ bàn luận là công dụng nhiệm mầu vô tác, nghĩa là toàn thể khởi dụng thành tựu chúng sinh..

40. Phật dùng bài kệ để lập lại ý nghĩa bốn thứ thiên:

Khi ấy Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Thiền phàm phu thực hành,
Thiền quán sát tướng nghĩa
Thiền phan duyên như thật,
Như lai thanh tịnh thiền
Thí như hình trời trăng,
Bát-đầu-ma sâu hiểm
Như hư không lửa hết,
Người tu hành quán sát
Các thứ tướng như vậy,
Đạo thông thiền ngoại đạo
Cũng rơi vào Thanh văn
Và cảnh giới Duyên giác
Lìa bỏ tất cả kia
Tức là vô sở hữu
Các Phật tất cả cõi
Dùng tay không nghĩ bàn
Cùng lúc đều xoa đánh
Thuận theo nhập tướng ấy”*,

Thí như hình mặt trời, mặt trăng, v.v... vượt ngoài tướng thiền để nói lên được mặt, nghĩa là ở trong định hoặc thấy như hình mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy Bát-đầu-ma, Hán dịch là hoa sen hồng, hoặc thấy biển có hình dáng sâu thẳm nguy hiểm, hoặc như hư không, hoặc như lửa hết, đều thành tàn lửa. Nếu người tu hành thấy các tướng như vậy hiện ra thì không nên chấp đắm, chấp thì sẽ rơi vào trong tà thiền của ngoại đạo, và cảnh giới Nhị thừa. Phải khéo quán sát, đều phải lìa bỏ, chẳng thấy trong đó có một pháp thật có. Thì không có chỗ để nhập vào Như lai thiền.

41. Phật nói có ba thứ Niết-bàn:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Nhập Niết-bàn, nói pháp gì gọi là Niết-bàn”. Niết-bàn có ba thứ, là ngoại đạo vọng chấp Niết-bàn, Nhị thừa chấp chứng Niết-bàn, Như lai rốt ráo Niết-bàn. Ba thứ Niết-bàn này tên tuy giống nhau mà thật thì rất khác nhau, nếu không dùng pháp để đính chính danh từ ấy, thì Như lai tạng và phàm phu Tiểu thừa lẫn lộn, không thể không làm rõ nghi vấn này.

42. Dù chuyển nhưng tự thể không chuyển:

“Phật bảo Đại Tuệ: Tất cả tự tánh, thói quen, tạng, ý, ý thức, kiết tập chuyển biến gọi là Niết-bàn. Các Đức Phật và Niết-bàn của ta là

cảnh giới tự tánh không sự”. Tất cả tự tánh thói quen, Kinh Nhập Lăng-già chép: tất cả thức tự tánh thói quen vậy, tức là thói quen phân biệt tánh chấp của tâm thức tất cả chúng sinh. Tạng, ý, ý thức, tức tầng thức và sự thức: Ở đây nói tự tâm, đều nói là tập, do ái kiến vọng tưởng luân tập từ vô thủy. Chuyển biến, nghĩa là chuyển tạng thức sự thức thành cảnh giới tự giác Thánh trí, gọi là Niết-bàn. Nhưng tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn thì có gì để chuyển biến. Đó là chuyển mà thể không chuyển. Các Đức Phật và ta, Phật nghĩa là Niết-bàn rốt ráo này, ta và các Đức Phật đồng chứng. Chứng không có chứng khác, chỉ thoát khỏi sinh tử tức là Niết-bàn. Tánh Niết-bàn cũng không thật có, đó gọi là cảnh giới không sự.

43. Niết-bàn không hoại không diệt:

Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Niết-bàn là cảnh giới Thánh trí tự giác, là đoạn thường, vọng tưởng tánh, phi tánh. Thế nào là phi thường? Nghĩa là tự tướng, cộng tướng vọng tưởng dứt cho nên phi thường. Thế nào là phi đoạn? Nghĩa là tất cả các bậc Thánh quá khứ, hiện tại, vị lai được tự giác gọi là phi đoạn”. Là tình cho nên phi thường, hiển bày tánh cho nên phi đoạn.

Này “Đại Tuệ! Niết-bàn không hoại không chết. Nếu Niết-bàn chết thì, lại phải thọ sinh nối nhau. Nếu hoại thì lẽ ra rơi vào tướng hữu vi. Cho nên, Niết-bàn lia hoại lia chết. Vì vậy cho nên là chỗ nương về của người tu hành” Niết-bàn nói không hoại không chết, là đối với có hoại có chết mà nói. Vì Niết-bàn là lý bất sinh bất diệt. Nếu phạm phu là có hoại có chết, thì Tiểu thừa vào chân không Niết-bàn, nguội thân vô thân, diệt trí vô trí, cũng có thể gọi là bất hoại bất tử. Tuy lia sinh phần đoạn, lại thọ sinh biến dịch, vậy là có tướng nối nhau. Tuy lia chỗ có lại chấp chỗ không, là thuộc pháp hữu vi. Nay Niết-bàn của Như lai lia các tướng này, đó gọi là chỗ trở về của người tu hành Đại thừa.

44. Tổng kết nghĩa trên:

Lại nữa Nay Đại Tuệ! Niết-bàn chẳng phải xả, chẳng phải đắc, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải một nghĩa, chẳng phải nhiều nghĩa, đó gọi là Niết-bàn. Tiết này là tổng kết nghĩa trên. Nói chẳng phải một là phi không, chẳng phải nhiều là phi giả. Phi không phi giả là nói lên trung đạo Đại Niết-bàn.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác là giác được tự tướng cộng tướng, cảnh giới chẳng tu tập gần gũi, chẳng có kiến chấp điên đảo, vọng tưởng chẳng sinh, các vị ấy đối với kia nghĩ là Niết-bàn. Nhị thừa đối với ấm giới nhập, tự tướng, cộng tướng, thực

hành quán khổ không vô thường vô ngã, tha thiết nhằm chán sinh tử, không ưa tu tập gần gũi”. Nói chẳng có kiến chấp điên đảo là dứt kiến hoặc. Vọng tưởng bất sinh là dứt tư hoặc. Đã diệt khổ tập mà chứng chân không, cho nên nói đối với kia khởi nghĩ Niết-bàn.

“Này Đại Tuệ! Hai tướng tự tánh. Hai tướng ấy là tướng lời nói tự tánh chấp đắm và sự tướng tự tánh chấp đắm. Lời nói tự tánh tướng chấp đắm là từ vô thi lời nói luống dối, thói quen khí chấp đắm sinh ra. Sự tự tánh tướng chấp đắm, là từ bất giác tự tâm hiện giới hạn sinh”. Hai thứ tánh tướng khởi mỗi thứ đều có nguyên nhân. Như kinh nói, nếu hiểu các pháp lời nói tánh không, chỉ do tâm hiện thì có gì để chấp đắm ư! Sự tức các pháp.

45. Hai thứ thần lực kiến lập:

“Lại nữa này Đại Tuệ! Như lai dùng hai thứ thần lực lập ra. Đại Bồ-tát đánh lễ các Đức Phật nghe nhận hỏi nghĩa. Thế nào là hai thứ thần lực lập ra? Nghĩa là thần lực trong Tam-muội chánh thọ, vì hiện tất cả thân, vẻ mặt, lời nói và thần lực tay quán đánh”. Hai thứ thần lực lập ra, Kinh Nhập Lăng-già chép: Các Đức Phật có hai thứ gia trì thì các Bồ-tát khiến đánh lễ dưới chân Phật thưa hỏi các nghĩa, Tam-muội tức là chánh thọ. Đây là Hoa Phạm gồm nêu, cũng dịch là chánh tâm hành xứ.

46. Do thần lực Phật nên được thấy Phật:

Này “Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khi được Địa thứ nhất Bồ-tát trụ thần lực Phật, nghĩa là nhập Tam-muội Bồ-tát Đại Thừa Chiếu Minh. Nhập Tam-muội này rồi thì tất cả các Đức Phật trong các thế giới ở mười phương, dùng năng lực thần thông, vì hiện tất cả thân, vẻ mặt, lời nói, như Đại Bồ-tát Kim Cương Tạng và các Bồ-tát khác tướng công đức như thế thành tựu Đại Bồ-tát”. Trụ thần lực Phật, do thần lực Phật có thể thấy Phật. Lại do gốc lành Tam-muội của Bồ-tát có công năng cảm ứng đến các Đức Phật, cho nên gọi là nhập Tam-muội Đại Thừa Chiếu Minh, tức định quang minh. Do định nên thấy Phật nghe pháp. Như Kim cương tạng, tức trong hội Hoa Nghiêm, một vị Bồ-tát được Phật lực che chở, so sánh một với nhiều, cho nên nói và các Bồ-tát khác.

47. Tổng kết lại hiển bày:

Này “Đại Tuệ! Đó gọi là Bồ-tát Địa thứ nhất. Đại Bồ-tát được thần lực Tam-muội chánh thọ của Bồ-tát trong trăm ngàn kiếp chứa nhóm gốc lành thành tựu, thứ lớp các địa đối trị sở trị, thông đạt rốt ráo đến Pháp Vân địa, trụ trong cung điện nhiệm mầu đại liên hoa, ngồi tòa sư tử báu Đại Liên Hoa, đồng loại với Đại Bồ-tát quyến thuộc

vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm thân, như hoa chiêm bạc vàng ròng, sáng sáng mặt trời mặt trăng”. Các bậc Tối thắng tử từ mười phương đến, đến ngồi trên tòa trên cung điện Đại Liên Hoa, mà quán đánh kia. Thí như Tự Tại chuyển luân Thánh vương và Thái tử của trời. Đế-thích được quán đánh, đó gọi là Bồ-tát tay quán đánh thần lực này. Nay Đại Tuệ! Đây gọi là Đại Bồ-tát hai thứ thần lực. Nếu Đại Bồ-tát trụ hai thứ thần lực này, tận mắt thấy các Đức Phật Như lai, nếu không như vậy thì không thể thấy trong trăm ngàn kiếp. Ở đây nói sở dĩ hàng Bồ-tát Địa thứ nhất được gia bị, thứ lớp các địa trở xuống từ cạn đến sâu. Thí như Tự tại trở xuống lại nêu ra việc quán đánh. Nếu không như vậy thì không thể thấy, tổng kết lại hiển bày.

48. *Giải thích nghĩa che chở:*

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát hễ có hành phân biệt Tam-muội thần tức các pháp, thì những vị ấy tất cả đều trụ trong hai thứ thần lực của Như lai. Nay Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát lìa thần lực của Phật mà giảng nói, được thì tất cả phàm phu cũng nên giảng nói được. Vì sao? Vì không trụ thần lực. Nay Đại Tuệ! Núi đá cây cối và các thứ nhạc khí thành quách cung điện, do năng lực oai thần của Như lai khi nhập thành đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, hướng chi là người hữu tâm, mù điếc câm ngọng, vô lượng các khổ, đều được giải thoát. Như lai có vô lượng thần lực như thế làm lợi ích an vui chúng sinh”. Hễ có phân biệt trở xuống, lại giải thích nghĩa che chở, hướng chi sau khởi ý giải thích. Nghĩa là Bồ-tát hễ có giảng nói các pháp Tam-muội, đều do trụ thần lực của Phật, tức do phàm hướng chi Thánh, ý nói Bồ-tát nếu lìa thần lực thì không thể nói, hướng chi là phàm phu. Nếu được thần lực thì tuy vật vô tình cũng đều hữu dụng. Hướng chi hữu tình mà không được thoát khổ ư! Nhưng nói phàm phu không trụ thần lực, chính là Thánh lẩn đoạt phàm! Lại nói rằng: Như lai có thần lực như vậy, tức Như lai ở trong đại định vắng lặng mà thường chiếu nói xứng tánh, lập bày muôn thứ không gì là chẳng được, cũng đâu có ý đối với kia ư!

49. *Lý do vì sao Như lai che chở Bồ-tát?*

“Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Vì sao Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, vì sao khi Đại Bồ-tát khi trụ Tam-muội chánh thọ, và khi thắng tiến địa quán đánh thì được Phật dùng thần lực che chở? Phật bảo Đại Tuệ? Vì lìa nghiệp ma phiền não và chẳng rơi vào thiên Thanh văn địa, vì được Như lai tự giác địa và tăng tiến pháp sở đắc. Cho nên Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác đều dùng thần lực lập ra các vị Đại Bồ-tát. Nếu không dùng thần lực lập ra thì sẽ rơi vào

ngoại đạo ác kiến vọng tưởng, các chúng Thanh văn và chỗ hy vọng của chúng ma, không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì lý do đó các Đức Phật Như lai đều dùng thần lực, nhiếp thọ các Đại Bồ-tát. Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Thần lực nhân trung tôn,
Đại nguyện đều thanh tịnh,
Tam-ma-đề quán đảnh,
Địa thứ nhất và Thập địa”.*

Đoạn văn này lại hỏi lý do vì sao Như lai che chở Bồ-tát? Như lai đáp do bốn nghĩa, xem kinh sẽ thấy. Vì Bồ-tát sơ tâm đạo lực chưa đầy đủ, nếu không nhờ vào thần lực Như lai che chở thì chẳng những không thể tăng tiến đến Như lai địa, mà còn không thể xa lìa Thanh văn và cảnh giới ma. Ý Như lai từ bi nhiếp thọ, có thể nói là rất sâu sắc. Kệ tụng có giải thích.

50. Nhân duyên có chánh có tà:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Phật nói duyên khởi tức là nói nhân duyên, chẳng tự nói đạo. Thế tôn! Ngoại đạo cũng nói nhân duyên, nghĩa là Thắng, tự tại, thời, hạt bụi nhỏ sinh, các tánh sinh như thế. Nhưng Thế tôn bảo là nhân duyên sinh các tánh nói năng, hữu gián tất-đàn và Vô gián tất-đàn” nói nhân duyên có chánh có tà, Phật nói là chánh, ngoại đạo nói là tà. Hai điều này không thể không biết, vậy nên Đại Tuệ đều nêu lên để hỏi. Không tự nói đạo nghĩa là Phật nói duyên khởi. Vì không nói duyên khởi, cho nên nói không tự nói đạo, ngoại đạo nói do thắng tự tại v.v... nên các tánh sinh, các tánh tức các pháp, nhưng cùng pháp do nhân duyên sinh do Như lai nói trùng lặp căn cơ ngôn giáo, là hữu gián khác! Hay là Vô gián khác! Tất-đàn tức là căn cơ bốn tất-đàn.

51. Bồ-tát Đại Tuệ thưa hỏi:

“Thế tôn! Ngoại đạo cũng nói hữu vô có sinh, Thế tôn cũng nói không có sinh, sinh đã diệt. Như lời Thế tôn nói, vô minh duyên hành cho đến già chết. Đây là Thế tôn nói không nhân, chẳng nói có nhân. Thế tôn lập ra nói như vậy: “đây có nên kia có”, chẳng phải lập ra thứ lớp sinh. Xét ngoại đạo nói Thắng, chẳng phải Như lai. Vì sao? Bạch Đức Thế tôn! Vì ngoại đạo nói nhân, không từ duyên sinh mà có sở sinh. Thế tôn nói quán nhân có sự, quán sự có nhân, như vậy nhân duyên rối loạn, như vậy xoay vần không cùng”. Cũng nói hữu vô có sinh, ngoại đạo nói hữu từ vô hữu sinh, thì là vô nhân mà thôi! Cũng nói vô hữu sinh... Phật nói vô hữu, sinh sinh đã diệt, như vô minh duyên

hành v.v... Đâu chẳng phải Phật nói cũng vô nhân ư! Thế tôn lập ra trở xuống, do lẫn lộn khó nói. Phật thường nói đây có nên kia có, thì sinh trong một lúc chẳng phải sinh dần dần, đó chẳng phải chỉ đồng đều mà thôi! Cũng lại thấy thuyết của ngoại đạo là hơn, thuyết của Ngoại đạo nhân là nhân khác. Phật nói không đồng, như quán nhân có sự v.v... đã có lẫn nhau thì thành lẫn lộn, cho nên có lỗi xoay vần vô cùng. Đây đều là chỗ vặn hỏi của Đại Tuệ.

52. *Bác bỏ câu hỏi và giải thích ý chính:*

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Ta chẳng nói thuyết vô nhân và nhân duyên lẫn lộn. Nói đây có nên kia có, là năng nhiếp sở nhiếp phi tánh, giác tự tâm hiện lượng. Này Đại Tuệ! Nếu chấp đắm năng nhiếp sở nhiếp, không giác tự tâm hiện tượng thì cảnh giới bên ngoài là tánh phi tánh, kia có lỗi như vậy chẳng phải ta nói duyên khởi. Ta thường nói rằng nhân duyên hòa hợp mà sinh các pháp, chẳng phải vô nhân sinh”. Trong đây đáp, trước phá chung nạn kia, tiếp giải thích ý chính. Đây có cho nên kia có, đây là sáu căn, kia tức sáu trần, nghĩa là căn trần nương nhau mà khởi. Năng nhiếp, sở nhiếp phi tánh... là hiểu rõ pháp do nhân duyên sinh do tâm hiện, không có năng thủ, sở thủ. Phi tánh là lìa tánh chấp. Nếu chấp đắm năng nhiếp sở nhiếp, Kinh Nhập Lăng-già chép: Nếu không rõ các pháp do tâm hiện, chấp có năng thủ sở thủ, chấp đắm cảnh bên ngoài, hoặc có hoặc không, kia có lỗi như thế, chẳng phải lỗi ta nói, tức lẫn lộn. Kia tức ngoại đạo. Tánh phi tánh tức hữu vô. Nhân duyên hòa hợp mà sinh, chính là đáp câu hỏi vô nhân, đâu có đồng với tà chấp vô nhân của ngoại đạo.

“Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Chẳng phải lời nói có tánh, mà có tất cả tánh ư! Bạch Đức Thế tôn! Nếu không tánh thì lời nói chẳng sinh. Cho nên lời nói có tánh. Có tất cả tánh, vì ở trên nói pháp do nhân duyên sinh, liền nghi lời nói có tánh, tất cả các pháp cũng đều có tánh ư! Nếu các pháp vô tánh thì lời nói từ đâu khởi, liền tổng kết thỉnh rằng: Lời nói có tánh, có tất cả tánh.”

53. *Tổng kết luận thuyết của đối phương sẽ hoại:*

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Vô tánh mà có lời nói, nghĩa là như sừng, thỏ, lông rùa v.v... Thế gian hiện lời nói. Này Đại Tuệ! Phi tánh chẳng phải phi tánh, chỉ có lời nói mà thôi. Như lời ông nói lời nói có tánh, có tất cả tánh thì lý luận của ông sẽ bị hoại” Phật đáp: do vô tánh mà có lời nói, nghĩa là nhân duyên vốn vô tánh, không ngại dùng lời nói để hiển bày, đâu nên cho lời nói là tánh ư! Như thế gian hiện nói lông rùa, sừng thỏ, gái bất dục, cũng vốn vô tánh mà có lời nói, thì phi tánh chẳng phải

phi tánh. Nói phi tánh thì chẳng phải thật, chẳng phải phi tánh thì không ngại có lời nói, cho nên chỉ có lời nói mà thôi! Tổng kết bác bỏ rằng luận của ông sẽ hoại, nghĩa là đều nói thuyết hữu tánh sẽ hoại.

54. Tùy căn cơ chúng sanh nên việc hóa độ có khác nhau:

Này “Đại Tuệ! Chẳng phải tất cả cõi nước có lời nói. Lời nói là tạo tác. Hoặc có cõi Phật nhìn thấy mà nói lên pháp. hoặc có cõi Phật tạo ra hình tướng, hoặc có cõi Phật nướng mảy, hoặc có cõi nước chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hắng, hoặc cõi nước suy nghĩ, hoặc dao động. Này Đại Tuệ! Như thế giới chiêm thị và Hương tích, cõi nước Phổ Hiền Như lai chỉ dùng nhìn xem, khiến các Bồ-tát được pháp nhãn vô sinh và các Tam-muội cao quý. Cho nên chẳng phải lời nói có tánh, có tất cả tánh. Này Đại Tuệ! Thấy ở thế giới này ruồi lẩn trùng kiến các chúng sinh ấy không có lời nói, mà mỗi một loài đều hiểu nhau và tất cả việc làm”. Chẳng phải tất cả cõi nước, v.v... chính là nói chưa hẳn đều dùng lời nói, mà lời nói chỉ là tùy duyên tạo tác, làm mà không làm há có tánh ư! Hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển pháp... Đây là do tùy căn cơ chúng sanh nên việc hóa độ khác nhau. Vì các Đức Phật lập ra giáo hóa không chuyên về âm thanh giáo, hương vị xúc pháp đều là Kinh giáo, đều có thể hiển bày pháp nhập đạo. Như các thiền gia có người cầm gậy đánh đập, có người dựng chổi, nướng mảy, nhúu mắt để dẫn dắt người, cũng đều không ra ngoài những điều này. Thế gian chỉ dùng lời nói làm giáo, đâu phải chỉ một hạn cuộc. Như Chiêm Thị tức thế giới Bất Thuần (không nháy mắt). Trước chỉ nêu chung, đây là nêu riêng, như thế giới Hương Tích dùng hương thơm làm Phật sự, lệ theo các trần khác lập ra giáo hóa rất dễ hiểu, đâu phải bậc Thánh chỉ lập ra sự giáo hóa như thế, còn như các loài vật hữu tình nhỏ nhiệm, cũng có loài không nhờ vào lời nói mà vẫn làm xong mọi việc, cho nên thấy ở thế giới này ruồi lẩn giòi tửa v.v...

55. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Như hư không sừng thỏ,
Cùng với bàn đại tử.
Vô mà có lời nói,
Tánh vọng tưởng như vậy
Pháp nhân duyên hòa hợp
Phàm phu khởi vọng tưởng
Không thể biết như thật,
Luân hồi trong ba cõi”.*

Bàn đại tử là thạch nữ nhi (con của gái bất dục), cùng với sừng thỏ... đều dụ cho vốn không mà có tên gọi cũng có pháp vốn vô tánh mà vọng tưởng là tánh. Cho nên nói tánh vọng tưởng như vậy lấy ví dụ pháp do nhân duyên hòa hợp. Kẻ phàm ngu vọng tưởng không thể biết như thật, cho nên có việc luân hồi ba cõi.

56. Vô thường tức là thường, không đồng phạm phu:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: bạch Đức Thế tôn! Tiếng thường ấy là nói việc gì? Phật bảo Đại Tuệ: vì hoặc loạn, vì hoặc loạn ấy các vị Thánh cũng hiện mà chẳng điên đảo. Nay Đại Tuệ! Như dương diệm mùa xuân, vòng lửa, tóc rũ, thành Càn-thát-bà, huyễn, mộng, hình ảnh trong gương là điên đảo của thế gian chẳng phải minh trí, song chẳng phải không hiện. Nay Đại Tuệ! Hoặc loạn kia có các thứ hiện, chẳng phải hoặc loạn gây ra vô thường. Vì sao? Vì lìa tánh và phi tánh”. Tiếng thường là nói thường pháp. Hỏi: Ý cho là Như lai nói thường, pháp nương vào việc gì mà nói. Hoặc loạn là vô thường, ý Phật chính cho rằng vô thường nói thường, phải thông đạt vô thường tức là thường, cho nên nói các bậc Thánh cũng hiện, nghĩa là pháp hoặc loạn sinh tử vô thường, chẳng phải chỉ chúng sinh thật tạo, mà sau khi đắc quả Phật quyền thị hiện đồng chúng sinh, để hiểu rõ vô thường tức là thường, không đồng phạm phu, cho nên nói chẳng điên đảo. Bấy thí dụ như dương diệm mùa xuân, v.v... đó gọi là điên đảo, tuy chẳng phải pháp của bậc minh trí, nhưng cũng chẳng phải không hiện. Lại bảo Đại Tuệ rằng: Hoặc loạn kia v.v... ý nói khi kia vọng pháp hiện tuy có các thứ khác nhau, nhưng chẳng phải vô thường, vì các pháp vốn lìa có không, mỗi pháp tức là tánh, tức là tánh cho nên thường, lìa tánh phi tánh, tức lìa có không.

57. Nói hoặc loạn là thường:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là lìa hoặc loạn tánh, phi tánh? Nghĩa là các thứ cảnh giới của tất cả kẻ ngu. Như nước sông Hằng kia ngạ quỷ thấy chẳng thấy, không có tánh hoặc loạn, vì hiện đối với kẻ khác nên chẳng phải vô tánh. Hoặc loạn như vậy, các bậc Thánh lìa điên đảo và chẳng điên đảo. Cho nên hoặc loạn thường, vì tướng tướng chẳng hoại. Nay Đại Tuệ! Chẳng phải các tướng hoặc loạn, tướng vọng tưởng hoại, vậy nên hoặc loạn thường”. Vì sao đoạn sau: Nói pháp hoặc loạn, bậc Thánh thấy tánh vốn thường nên sẽ nói rằng tánh phi tánh, vì sao không thể thông đạt, tức là cảnh giới của kẻ ngu. Như nước sông Hằng kia... Nương vào chỗ thấy của kẻ ngu kia mà nêu làm ví dụ. Ngạ quỷ tuy gần sông Hằng mà không thấy nước, vì thấy nước kia là lửa, cho nên

nói thấy không thấy. Thấy tuy có khác, nhưng sông Hằng tự kia thể nó thường như vậy. Không tánh hoặc loạn, nghĩa là vì không cho là thấy nên nói là có, không cho không thấy nên nói là không. Tự kia thấy nên nói, chẳng phải không có sông Hằng, cho nên nói thì hiện nơi kẻ khác nên chẳng phải vô tánh. Hoặc loạn như vậy v.v... chính là giải thích nghĩa hoặc loạn thường, nghĩa là các bậc Thánh do lìa kiến chấp điên đảo và chẳng điên đảo, tức hoặc loạn kia tự thể nó là thường trụ, vì pháp kia là pháp chẳng hoại. Lại nói chẳng hoặc loạn, nghĩa là chẳng phải các vọng pháp tự có các tướng khác nhau do kẻ ngu vọng tưởng phân biệt, thấy có tướng khác. Nếu lìa phân biệt vọng pháp tức thường, cho nên nói hoặc loạn là thường.

58. Có ít phần tưởng phải biết đó là lời nói suông của kẻ ngu:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là hoặc loạn chân thật? Nếu là nhân duyên thì các bậc Thánh đối với hoặc loạn này chẳng khởi điên đảo giác và giác chẳng phải điên đảo. Này Đại Tuệ! Ngoài các bậc Thánh, đối với hoặc loạn này có ít phần tưởng, là chẳng phải sự tướng của Thánh trí. Này Đại Tuệ! Hễ có thì đó là kẻ ngu nói, chẳng phải lời bậc Thánh nói, Kinh Lăng-già chép: Vì sao cho vọng pháp chân thật là các bậc Thánh, đối với vọng pháp, chẳng khởi điên đảo, chẳng giác điên đảo. Nếu đối với vọng pháp có ít phần tưởng, thì chẳng phải Thánh trí. Có ít phần tưởng, phải biết đó là lời nói suông của kẻ ngu, chẳng phải lời của bậc Thánh.

59. Ba thứ chủng tánh của bậc Thánh:

“Hoặc loạn kia có vọng tưởng điên đảo và chẳng điên đảo, khởi hai thứ chủng tánh, nghĩa là chủng tánh của bậc Thánh và chủng tánh của kẻ ngu. Chủng tánh của bậc Thánh là ba thứ phân biệt, đó là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Thế nào là kẻ ngu vọng tưởng khởi chủng tánh Thanh văn thừa? Nghĩa là chấp đắm tự tướng, cộng tướng, khởi chủng tánh Thanh văn thừa, đó gọi là vọng tưởng khởi chủng tánh Thanh văn thừa. Này Đại Tuệ! Ngay nơi vọng tưởng hoặc loạn kia khởi chủng tánh Duyên giác thừa. Nghĩa là ngay nơi hoặc loạn kia, tự tướng, cộng tướng chẳng gần gũi chấp đắm khởi chủng tánh Duyên giác thừa. Thế nào là người trí? Tức đối với hoặc loạn kia khởi chủng tánh Phật thừa? Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng ngoại tánh, phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, khởi chủng tánh Phật thừa, đó gọi là tức hoặc loạn kia khởi chủng tánh Phật thừa”. Nói hoặc loạn kia, nghĩa là phân biệt vọng pháp là điên đảo, phi điên đảo, thì thành hai thứ chủng tánh. Phi điên đảo là Thánh, điên đảo tức là phàm phu. Trước nêu chủng tánh

của bậc lại có ba thứ: Thanh văn, Duyên giác, Phật thừa. Ban đầu trong Thanh văn thừa nói kẻ ngu vọng tưởng khởi, nghĩa là kẻ ngu đối với tự tướng cộng tướng của năm ấm, hiểu rõ là vắng lặng mà sinh nhàm chán, xa lìa, liền thành chủng tánh Thanh văn. Duyên giác cũng gọi là tự tướng cộng tướng, đồng nghĩa với lìa chấp, chỉ ưa tu xa lìa cho nên nói chẳng gần gũi chấp đắm, đó gọi là chủng tánh Duyên giác. Trong chủng tánh Phật, đặc biệt nói người trí khác với Nhị thừa, cho nên giác tự tâm hiện lượng, các nghĩa thấy giải thích ở trước, đó gọi là chủng tánh Phật thừa.

60. Lìa tâm bật tướng, chân như lìa niệm, hướng về thì tâm bật:

“Lại các thứ sự tánh, phàm phu lầm tưởng khởi chủng tánh của kẻ ngu. Kia chẳng phải có sự, chẳng phải không sự, đó gọi là nghĩa chủng tánh. Nay Đại Tuệ! Tức hoặc loạn kia chẳng vọng tưởng. Các bậc Thánh đối với tâm, ý, ý thức lỗi thói quen tự tánh, pháp chuyển biến tánh, đó gọi là Như. Cho nên nói như lìa tâm, ta nói câu này hiển bày lìa tướng, tức nói lìa tất cả tướng.” Trong chủng tánh của kẻ ngu nói các thứ sự tánh, nghĩa là phân biệt vọng pháp các thứ sự vật, tùy sự chấp đắm để thành tánh kia. Nói kia chẳng có sự, v.v... nghĩa là vọng pháp kia chẳng phải sự chẳng phải không sự, tức chẳng có chẳng không, đó gọi là chủng tánh của người ngu. Lại nói rằng: ngay nơi hoặc loạn kia không vọng tưởng, lại nêu lên chủng tánh Phật thừa. Chẳng những đối với vọng pháp không vọng tưởng mà thì còn đối với tâm, ý, ý thức lỗi lầm thói quen tự tánh, pháp chuyển biến tự tánh, thấy đều chuyển biến, chuyển biến cùng cực chính là trở lại tánh kia, đều là như một, vì đều là như nên lìa tâm bật tướng. Đây là câu lìa tâm bật tướng, nghĩa là chân như lìa niệm, hướng về thì tâm bật.

61. Bô-tát Đại Tuệ hỏi, Phật đáp:

“Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Có hoặc loạn hay không? Phật bảo Đại Tuệ: Như huyễn không có tướng chấp đắm. Nếu hoặc loạn có tướng chấp đắm thì tánh chấp đắm không thể diệt. Duyên khởi nên như ngoại đạo nói pháp do nhân duyên sinh”. Dưới đây là hỏi đáp có bốn: ban đầu hỏi hoặc loạn nhân có hay không. Trên cho rằng hoặc loạn là thường, là thật, lại cho là làm vọng tưởng, vậy thì quả có hay không? Phật đáp do tướng như huyễn không chấp đắm, ý nói rằng nếu nói vọng pháp là chắc chắn có hay chắc chắn không, đều sinh tánh vọng chấp không thể diệt. Do như huyễn mà nói, nếu không thể hiểu rõ như huyễn thì pháp duyên khởi đồng với tà chấp duyên khởi của ngoại đạo.

62. *Phân biệt vọng hoặc khởi lỗi chính là phạm phu:*

“Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nếu hoặc loạn như huyễn thì sẽ làm nhân cho các hoặc khác. Phật bảo Đại Tuệ: Chẳng phải huyễn làm nhân cho hoặc, vì chẳng khởi lỗi. Nay Đại Tuệ! Huyền chẳng khởi lỗi, vì không có vọng tưởng. Nay Đại Tuệ! Huyền là từ minh chú sinh, chẳng phải lỗi từ vọng tưởng thói quen sinh. Cho nên chẳng khởi lỗi. Nay Đại Tuệ! Đây là kẻ ngu tâm hoặc chấp đấm, chẳng phải Thánh hiền”. Đây hỏi do đáp mà khởi. Nếu do hoặc loạn như huyễn lại có thể khởi lỗi, làm nhân cho các hoặc khác mà sinh ra pháp phải không! Phật đáp: Huyền chẳng phải nhân của hoặc có ba nghĩa:

1. Huyền bất sinh lỗi. 2. Vì không vọng tưởng. 3. Từ minh xứ mà sinh. Minh xứ, Kinh Nhập Lăng-già chép: Minh chú là huyễn, từ chú thuật mà sinh, chẳng phải tự phân biệt lỗi thói quen mà khởi. Nhưng ba nghĩa này đều nói huyền bất sinh ác, chẳng phải nhân của vọng pháp. Nếu phân biệt vọng hoặc khởi lỗi, chính là phạm phu, cho nên nói chẳng phải bậc Thánh hiền.

63. *Rõ vọng tức chân là vọng bày chân:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Thánh chẳng thấy hoặc loạn, Chặng giữa cũng
không thật Nếu chặng giữa chân thật, Thì hoặc
loạn chân thật,
Lìa bỏ tất cả hoặc Nếu như có tướng
sinh Ấy cũng là hoặc loạn
Bất tịnh như màng che”.*

Bốn câu trước nói Thánh trí Đại thừa hiểu rõ vọng tức chân, hoặc loạn vọng pháp chính là cảnh giới phạm phu. Phật nhãn thấy tất cả đều là chân thật, mà chân thật đây cũng chẳng có thật thể. Là không hữu này, đó là chân thật. Vì Thánh trí hiểu thấu vọng pháp tức là chân thật. Bốn câu sau nói kẻ tiểu trí lìa vọng bày chân, đối với chân chấp tướng cũng là hoặc loạn. Như mắt màng che thì cái thấy không đúng.

